PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1033/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011-2015

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 135/TTr-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 về việc ban hành Quyết định về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mục tiêu phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011-2015 nhằm tạo bước đột phá để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của vùng và cả nước.

Điều 2. Các chỉ tiêu cụ thể:

1. Giáo dục mầm non: đến năm 2015, huy động từ 10 - 12% trẻ dưới 3 tuổi đi nhà trẻ; từ 70 - 75% số trẻ 3 - 5 tuổi đi học mẫu giáo, trong đó trên 98% trẻ 5 tuổi học mẫu giáo để chuẩn bị vào lớp 1; 100% số tỉnh, thành phố trong vùng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

2. Giáo dục phổ thông: đến năm 2015, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đạt tối thiểu 99% ở tiểu học, 85% ở trung học cơ sở và 60% ở trung học phổ thông.

3. Giáo dục dân tộc: đến năm 2015 đối với các huyện có từ 10.000 người dân tộc thiểu số trở lên phải thành lập được trường phổ thông dân tộc nội trú; thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú ở những nơi có điều kiện; phấn đấu có từ 10 - 12%

số học sinh dân tộc thiểu số trong tổng số học sinh dân tộc đang học ở giáo dục trung học được học nội trú.

4. Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp: tăng quy mô tuyển sinh hàng năm từ 10 đến 12%; huy động khoảng từ 10 đến 15% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học trung cấp chuyên nghiệp.

5. Dạy nghề: đến năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 40%, bình quân đào tạo 445.000 lượt người/năm; toàn vùng có 22 trường cao đẳng nghề, 35 trường trung cấp nghề và mỗi quận/huyện có ít nhất một trung tâm dạy nghề hoặc trường trung cấp nghề.

6. Giáo dục đại học: đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đến năm 2015 bình quân đạt 190 sinh viên/1 vạn dân; đảm bảo cơ cấu hợp lý theo các ngành kinh tế, xã hội có thế mạnh của vùng.

7. Giáo dục thường xuyên: tất cả các huyện đều có Trung tâm giáo dục thường xuyên; mỗi tỉnh, thành phố có 1 Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh; 100% xã, phường có Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả.

Điều 3. Các giải pháp chủ yếu phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long

1. Hoàn thiện mạng lưới trường học, thực hiện kiên cố hóa, chuẩn hóa cơ sở vật chất trường, lớp học ở tất cả các cấp học, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

a) Giáo dục mầm non:

- Ưu tiên đầu tư xây dựng trường học mới cho các xã chưa có trường mầm non; chú trọng đầu tư cơ sở vật chất các điểm trường lẻ để tăng quy mô huy động trẻ ra lớp ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Xây dựng đủ phòng học, phòng chức năng, khu vệ sinh, sân chơi, đồ chơi ngoài trời và các công trình phụ trợ thiết yếu khác, từng bước chuẩn hóa cơ sở vật chất nhà trường.

b) Giáo dục phổ thông:

- Tiếp tục thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học; từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống phòng chức năng, phòng học bộ môn, thư viện, khu giáo dục thể chất, nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ thiết yếu khác, tiến đến chuẩn hóa trường học;

- Đầu tư phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên theo Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Đảm bảo các điều kiện để triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020;

- Ưu tiên đầu tư cho trường học ở vùng biên giới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, học tập của học sinh các dân tộc ở các tỉnh biên giới nước ta và Campuchia.

c) Giáo dục thường xuyên:

- Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị để nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học tại các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện, tỉnh;

- Tăng cường trang thiết bị, phương tiện và kinh phí để nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng.

d) Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện mạng lưới các cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp; đầu tư thành lập mới một số trường trung cấp chuyên nghiệp ở những tỉnh có đủ điều kiện, yêu cầu cao phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh;

- Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên để đáp ứng yêu cầu tăng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo trung cấp chuyên nghiệp.

đ) Dạy nghề:

- Đầu tư đồng bộ các trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề, trong đó mỗi trường có từ 2 đến 5 nghề đạt chuẩn quốc gia, đặc biệt với những nghề gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng;

- Rà soát để đầu tư nâng cấp trường cao đẳng sư phạm kỹ thuật thành trường đại học sư phạm kỹ thuật khi có đủ điều kiện theo quy định; tăng cường đầu tư cho 03 trường trung cấp nghề dân tộc nội trú ở các tỉnh Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang và các trung tâm dạy nghề công lập cấp huyện; tiếp tục hỗ trợ đầu tư cho các cơ sở dạy nghề hiện có.

e) Giáo dục đại học:

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ, từng bước hiện đại hóa các trường đại học, cao đẳng trong vùng;

- Rà soát, sắp xếp và thành lập mới các trường đại học, cao đẳng phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng của vùng, trên cơ sở đảm bảo đầy đủ các tiêu chí và điều kiện thành lập trường theo quy định. Dự kiến đến năm 2015 nâng cấp và thành lập mới từ 10 đến 12 trường đại học (trong đó có 05 trường tư thục) và 11 trường cao đẳng (chủ yếu là nâng cấp từ trường trung cấp y tế, văn hóa - nghệ thuật, giao thông vận tải của các tỉnh);

- Tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, thu hút giảng viên có trình độ tiến sĩ cho việc thành lập mới các trường đại học; ưu tiên đầu tư, tạo cơ chế phù hợp cho Trường đại học Cần Thơ và một số trường đại học khác hiện đại hóa cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giảng viên và chương trình đào tạo ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực. Xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả vùng;

- Các tỉnh đảm bảo đất cho phát triển giáo dục đại học. Xây dựng ký túc xá cho khoảng 80% sinh viên chính quy (trong đó 100% sinh viên diện chính sách và sinh viên người dân tộc) được ở ký túc xá vào năm 2015;

- Ưu tiên đầu tư phân hiệu Trường đại học Nha Trang tại Kiên Giang và hỗ trợ Trường Đại học Trà Vinh xây dựng Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ; hình thành khoa văn hóa dân tộc tại một số trường đại học, cao đẳng của các tỉnh trong vùng.

2. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

a) Mỗi địa phương và từng cơ sở đào tạo trong vùng xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đảm bảo chất lượng. Đẩy mạnh đào tạo đội ngũ giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung cấp nghề theo đề án của Chính phủ và Đề án MêKông 1000;

b) Đổi mới chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên theo hướng đáp ứng nhu cầu của giáo viên, lấy cơ sở giáo dục làm đơn vị bồi dưỡng;

c) Thực hiện việc đánh giá cán bộ quản lý trường học theo chuẩn hiệu trưởng, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp; các trường đại học sư phạm đưa học phần quản lý giáo dục vào chương trình đào tạo;

d) Mở khoa dạy tiếng dân tộc ở một số trường cao đẳng sư phạm để đào tạo giáo viên dạy tiếng, chữ viết dân tộc thiểu số cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

đ) Xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng giáo viên dạy nghề đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu nghề đào tạo. Huy động cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư người lao động có tay nghề cao ở doanh nghiệp, cơ quan nhà nước tham gia dạy nghề và xây dựng chương trình dạy nghề.

3. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá

a) Triển khai đại trà chương trình giáo dục mầm non mới, thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ trước khi vào lớp 1. Tập trung chỉ đạo dạy học và kiểm tra, đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình, phù hợp với từng nhóm đối tượng học sinh, đặc biệt đối với học sinh dân tộc nói chung và học sinh người Khmer nói riêng. Đẩy mạnh việc dạy tiếng dân tộc thiểu số trong trường hợp để đến năm 2015 nâng tỷ lệ học sinh học tiếng dân tộc lên ít nhất 5,5% so với tổng số học sinh dân tộc thiểu số trong vùng;

b) Tăng cường dạy học 2 buổi/ngày ở giáo dục mầm non, tiểu học, các trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường trung học phổ thông chuyên và mở rộng sang giáo dục trung học ở những nơi có điều kiện. Duy trì nề nếp, kỷ cương, kỷ luật quản

lý chuyên môn; tăng cường giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục văn hóa dân tộc;

c) Triển khai các chương trình đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ ở các trung tâm giáo dục thường xuyên và trung tâm học tập cộng đồng;

d) Tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo trung cấp chuyên nghiệp và đánh giá kết quả học sinh gắn với chuẩn đầu ra;

đ) Đổi mới và phát triển chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề theo hướng bám sát các ngành nghề là thế mạnh của đồng bằng sông Cửu Long. Nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để học sinh có thái độ đúng và chủ động lựa chọn loại hình học nghề sau phổ thông phù hợp với thị trường lao động.

e) Thành lập khoa sư phạm dạy nghề tại một số trường cao đẳng nghề để bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề và nâng cao trình độ kỹ năng dạy nghề cho giáo viên, giảng viên dạy nghề trong vùng.

4. Giải pháp về tài chính:

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư cho giáo dục, đào tạo, dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long, phấn đấu mức chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề của vùng đến năm 2015 đạt 20% tổng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo, dạy nghề của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Điều 4. Một số chính sách

1. Chính sách đối với người học

- Tiếp tục thực hiện chính sách ưu tiên cho học sinh, sinh viên, học viên là người dân tộc thiểu số nói chung và người Khmer nói riêng (ưu tiên về điều kiện tuyển sinh, cử tuyển, dự bị, đào tạo theo địa chỉ).

- Tiếp tục thực hiện chính sách: miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa theo quy định tại Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; vay vốn tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và các chính sách khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Bổ sung đối tượng hưởng chính sách dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số nội trú theo Quyết định số 267/2005/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ. Người lao động sau khi học nghề được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để tự tạo việc làm.

- Bổ sung một số chính sách đặt hàng dạy nghề đối với người học các nghề để thúc đẩy đưa công nghiệp về nông thôn, giải quyết việc làm, chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn và các nghề khó tuyển sinh.

2. Chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Thực hiện các chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Thực hiện chính sách bảo lưu chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo được điều động làm công tác quản lý giáo dục và đào tạo, chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo theo quy định hiện hành.

- Bổ sung đối tượng giáo viên dạy nghề thường xuyên xuống thôn, phum, sóc dạy nghề được hưởng phụ cấp lưu động như giáo viên thực hiện xóa mù chữ, phổ cập giáo dục. Đối tượng giáo viên dạy nghề cho học sinh, sinh viên học nghề nội trú được hưởng chính sách như nhà giáo dạy ở trường chuyên biệt; đối tượng giáo viên ở các cơ sở dạy nghề vừa dạy lý thuyết, vừa dạy thực hành được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long

Chịu trách nhiệm quy hoạch và bảo đảm quỹ đất tối thiểu theo quy định cho các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Quyết định này theo quy định hiện hành về phân cấp quản lý giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong vùng chỉ đạo thực hiện; hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đảm bảo kinh phí để thực hiện các mục tiêu của Quyết định này; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các chính sách đối với học sinh, sinh viên, nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong vùng.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong vùng chỉ đạo thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện chính sách đối với cơ sở đào tạo nghề, người dạy, người học và cán bộ quản lý trong lĩnh vực dạy nghề.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan tổng hợp, cân đối và xây dựng phương án phân bổ các nguồn vốn đầu tư trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; có giải

pháp khuyến khích, huy động các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long.

5. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan xây dựng phương án phân bổ ngân sách chi thường xuyên cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân